

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 104/2020/HS-PT
Ngày 25 – 12 - 2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh và ông Trần Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa
Bà Mầu Mai Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 140/2020/TLPT-HS ngày 11 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2020/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị N, sinh năm 1996 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn A, xã Ấ, huyện Ấ, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân K và con bà Nguyễn Thị T đều sinh năm 1972. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo khác, không có kháng cáo kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 16/3/2020, Công an huyện B đang làm nhiệm vụ tại tổ dân phố C, thị trấn B, huyện B đã kiểm tra phát hiện Nguyễn Thị N đang có hành vi bán 04 tờ giấy khám sức khỏe cho đối tượng tự khai tên là Nguyễn Văn D ở xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc với giá 140.000đ/1 tờ. Quá trình

kiểm tra đã thu giữ trên tay N số tiền 700.000đ là tiền D đưa cho N để mua 04 tờ giấy khám sức khỏe; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của N; 04 tờ giấy khám sức khỏe có ghi Công ty cổ phần Bệnh viện giao thông vận tải do N chưa kịp đưa cho D. Trong đó: 01 tờ giấy khám sức khỏe có ghi thông tin người đề nghị khám sức khỏe là: “Nguyễn Văn D, sinh ngày 10/5/1992 ở xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc” được ký hiệu A1; 03 tờ giấy khám sức khỏe còn lại đều để trống thông tin người đề nghị khám sức khỏe được ký hiệu lần lượt A2, A3, A4 và thu trong túi quần N số tiền 300.000đ.

Quá trình điều tra làm rõ: Sáng ngày 11/3/2020, N đang làm việc tại Cửa hàng Viettel B thuộc tổ dân phố C, thị trấn B, huyện B thì Facebook có tên “Vĩnh Phúc Táo Chuyên” của D nhắn tin đến Facebook có tên “Chip cois” của N hỏi mua 01 tờ Giấy khám sức khỏe giả thì N đồng ý và báo giá 150.000đ/01 tờ. Khoảng 14 giờ cùng ngày, N đi nhờ xe máy của người đi đường đến một cửa hàng phô tô không nhớ địa chỉ ở thị trấn B mua của một người phụ nữ không biết tên 01 tờ Giấy khám sức khỏe giả với giá 100.000đ rồi hẹn D đến đoạn đường TL307 phía trước Cửa hàng Viettel B để đưa D, D trả cho N 150.000đ tiền mua giấy khám sức khỏe. Đến sáng ngày 12/03/2020, D tiếp tục nhắn tin qua Facebook hỏi mua của N 04 tờ giấy khám sức khỏe và thỏa thuận giá 140.000đ/1 tờ, đồng thời yêu cầu N viết sẵn tên tuổi, địa chỉ của D vào 01 tờ giấy khám sức khỏe để làm mẫu. Đến sáng ngày 16/3/2020, N đi nhờ xe máy của người đi đường đến quán phô tô không nhớ địa chỉ ở thị trấn B mua 01 tờ giấy khám sức khỏe của một người phụ nữ không biết tên với giá 100.000đ/01 tờ, sau đó đến quán phô tô của Đỗ Thị Mai Nam ở tổ dân phố C, thị trấn B mua 03 tờ giấy khám sức khỏe với giá 100.000đ/1 tờ. N đem về điền thông tin người khám bệnh là “Nguyễn Văn D, sinh năm 1992 ở Đ, B, Vĩnh Phúc” vào 01 tờ giấy khám sức khỏe và hẹn D đến địa điểm cũ để trao đổi. Khi D vừa đưa N 700.000đ nhưng chưa kịp đưa giấy khám sức khỏe và trả lại tiền thừa thì bị Công an huyện B phát hiện, thu giữ toàn bộ vật chứng có liên quan.

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Nguyễn Thị N nhưng không phát hiện thu giữ đồ vật, tài sản gì có liên quan đến vụ án. Khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Đỗ Thị Mai Nam thu giữ: 02 tờ giấy khám sức khỏe có đặc điểm phần thông tin người khám bệnh để trống, có đóng dấu đỏ và chữ ký của các bác sỹ Công ty cổ phần Bệnh viện giao thông vận tải, được ký hiệu A5, A6 và Nam tự nguyện giao nộp 300.000đ là tiền đã bán cho N 03 tờ giấy khám sức khỏe mà có.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành xác minh và thu mẫu dấu của Công ty Cổ phần Bệnh viện giao thông vận tải và các mẫu chữ ký của các bác sỹ để phục vụ việc giám định.

Tại Công văn số 97 ngày 13/4/2020 của Công ty CP Bệnh viện GTVT thể hiện: Qua tra cứu dữ liệu lưu trữ, sau khi kiểm tra các giấy chứng nhận sức khỏe do Công an cung cấp, Công ty cổ phần Bệnh viện GTVT trả lời như sau:

“1. Mẫu giấy chứng nhận sức khỏe không đúng với mẫu giấy Bệnh viện đang sử dụng. Tất cả các giấy chứng nhận sức khỏe Bệnh viện phát hành đều có số hồ sơ, dán ảnh, ảnh được đóng dấu và tem giáp lai.

2. Chữ ký của các bác sỹ không đúng với mẫu chữ ký của các bác sỹ đã đăng ký với Bệnh viện.

3. BSCKI Nguyễn Thị Cúc, BSCKI Nguyễn Kim Minh và BS Đặng Thanh Huyền đã nghỉ hưu.

4. Bệnh viện không sử dụng dấu “BÌNH THƯỜNG” khi các bác sỹ khám bệnh và kết luận.”

Tại Kết luận giám định số 1237/KLGD ngày 01/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

“1. Hình dấu tròn có nội dung: “M.S.D.N:0107276138-C.T.C.P*CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với hình dấu tròn có cùng nội dung đóng trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký dưới mục: “Họ tên, chữ ký của Bác sỹ”: “BSCKI. Nguyễn Đình Thái, BS. Hà Thị Thanh Hương, BSCKI Trần Thị Thúy Hiền” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký của từng bác sỹ tương ứng ký trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2, M3, M4) có phải do cùng một người ký hay không? (Do chữ ký khác dạng).

3. Hình dấu chức danh đứng tên: “BSCKI. Nguyễn Đình Thái, BS. Hà Thị Thanh Hương, BSCKI Trần Thị Thúy Hiền” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với hình dấu chức danh tương ứng của từng bác sỹ đóng trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2, M3, M4) là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

4. Chữ viết có nội dung bắt đầu là: “Nguyễn Văn D...”, kết thúc là “... B - Vĩnh Phúc” ở trang 01 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết của Nguyễn Thị N trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5, M6, M7 là do cùng một người viết ra”.

Kết luận giám định số 1517/KLGD ngày 01/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

“1. Hình dấu tròn có nội dung: “M.S.D.N:0107276138-C.T.C.P*CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI” trên các tài liệu cần

giám định (ký hiệu A2, A3, A4) so với hình dấu tròn có cùng nội dung đóng trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký dưới mục: “Họ tên, chữ ký của Bác sỹ”: “BSCKI. Nguyễn Đình Thái, BS. Hà Thị Thanh Hương” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A2, A3, A4) so với chữ ký của từng bác sỹ tương ứng ký trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2, M3) có phải do cùng một người ký hay không? (Do chữ ký khác dạng nhau).

3. Hình dấu chức danh đứng tên: “BSCKI. Nguyễn Đình Thái, BS. Hà Thị Thanh Hương” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2, A3, A4) so với hình dấu chức danh tương ứng của từng bác sỹ đóng trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2, M3) là không phải do cùng một con dấu đóng ra”.

Kết luận giám định số 1571/KLGD ngày 01/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

“1. Hình dấu tròn có nội dung: “M.S.D.N:0107276138-C.T.C.P*CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A5, A6) so với hình dấu tròn có cùng nội dung đóng trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký dưới mục: “Họ tên, chữ ký của Bác sỹ”: “BSCKI. Nguyễn Đình Thái, BS. Hà Thị Thanh Hương” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A5, A6) so với chữ ký của từng bác sỹ tương ứng ký trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2, M3) có phải do cùng một người ký hay không? (Do chữ ký khác dạng).

3. Hình dấu chức danh đứng tên: “BSCKI. Nguyễn Đình Thái, BS. Hà Thị Thanh Hương” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A5, A6) so với hình dấu chức danh tương ứng của từng bác sỹ đóng trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2, M3) là không phải do cùng một con dấu đóng ra”.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị N và Đỗ Thị Mai Nam đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên. Về nguồn gốc số giấy khám sức khỏe đã thu giữ: Nam khai nhận khoảng tháng 02/2020 mua 05 tờ giấy khám sức khỏe của một người phụ nữ không rõ tên tuổi qua mạng Facebook với giá 90.000đ/1 tờ, do đã lâu nên không nhớ tên Facebook của người này. N khai nhận mua 02 tờ giấy khám sức khỏe của một người phụ nữ khoảng 50 tuổi ở thị trấn B nhưng không biết tên tuổi và nhớ địa chỉ cụ thể, không nhớ mặt.

Với nội dung trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2020/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm r, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 01 năm 08 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo khác; quyết định xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 10 năm 2020 bị cáo Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo xin hưởng án treo và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B theo hướng giữ nguyên hình phạt 01 năm 08 tháng tù và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa thẩm sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của đồng phạm khác đã bị đưa ra xét xử trong cùng vụ án, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, kết luận giám định của cơ quan chuyên môn và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận: Do biết trên mạng xã hội có nhiều người có nhu cầu mua các loại giấy tờ giả nên trong khoảng thời gian từ ngày 11/3/2020 đến ngày 16/3/2020, Nguyễn Thị N đã mua 05 giấy tờ giả là giấy khám sức khỏe để bán kiếm lời, trong đó mua của một người không biết tên, tuổi, địa chỉ 02 giấy khám sức khỏe giả, mua của Đỗ Thị Mai Nam 03 giấy khám sức khỏe giả với giá 100.000đ/01 tờ. Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 16/3/2020, trước cửa hàng Viettel B tại tổ dân phố C, thị trấn B, huyện B Nguyễn Thị N đang bán 04 giấy khám sức khỏe giả cho đối tượng tự khai là Nguyễn Văn D với giá 140.000đ/01 tờ thì bị Công an huyện B phát hiện bắt quả tang. Thu giữ trên tay của Nguyễn Thị N số tiền 700.000đ, 04 giấy khám sức khỏe giả, 01 điện thoại Oppo. Ngoài ra, Nguyễn Thị N còn khai ngày 11/3/2020, Nguyễn Thị N có bán 01 giấy khám sức khỏe giả cho đối tượng Nguyễn Văn D với giá 150.000đ/ 01 tờ. Cơ quan điều tra đã khám xét nơi ở của Đỗ Thị Mai Nam, thu giữ 02 giấy khám sức khỏe giả.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo Nguyễn Thị N tại phiên tòa cùng những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội đúng pháp luật không oan sai.

Về tính chất của vụ án là tội phạm nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng, phòng ngừa chung, phục vụ tốt nhiệm vụ giữ vững an ninh trật tự tại địa phương và làm gương cho người khác.

[3] Xét về kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị N; Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 01 năm 08 tháng về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật, tương xứng với hành vi do bị cáo thực hiện. Xét về nhân thân và các tình tiết liên quan đến bị cáo Nguyễn Thị N thấy rằng: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu bị xử lý trước pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự khai nhận ra hành vi trước đó đã thực hiện; Tài liệu do bị cáo sử dụng là Giấy khám sức khỏe đã thu hồi lại đầy đủ chưa được sử dụng ra ngoài xã hội; Số tiền thu lợi từ việc bán Giấy khám sức khỏe không lớn. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo xuất trình tài liệu chứng cứ mới thể hiện bị cáo hiện đang có thai được cơ quan y tế chứng nhận và xác nhận của địa phương nơi cư trú thể hiện bị cáo cùng gia đình luôn chấp hành tốt pháp luật của nhà nước, quy định của địa phương. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng và cần tạo điều kiện cho bị cáo sinh, nuôi dưỡng con nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cho bị cáo hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục riêng, không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị N là có căn cứ, cần chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị N; sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2020/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm r, s, n khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho UBND xã Ǻ, huyện Ǻ, tỉnh Vĩnh Vĩnh Phúc theo dõi, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Nguyễn Thị N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện B;
- TAND huyện B;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện B;
- THA huyện B;
- Bị cáo;
- UBND xã Ǻ, B, VP;
- Lưu HS, Văn phòng, Toà Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Duy Sơn